

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành quy chế Quản lý hoạt động Khoa học Công nghệ Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

#### GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ quyết định số 55/2008/QĐ-BNN ngày 24/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ quyết định số 2166/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 43/2013/TT-BNN ngày 22/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của các tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT, ngày 24/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ vào yêu cầu tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ đối với các đề tài, dự án do Viện chủ trì thực hiện;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch, Tổng hợp,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 665/QĐ-VKHTLVN ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam ban hành Quy chế quản lý Khoa học Công nghệ.

**Điều 3.** Trưởng Ban: Tổ chức, Hành chính; Kế hoạch, Tổng hợp; Tài chính, Kế toán; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: KHTH, VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Vũ Việt



# QUY CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

## VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo quyết định số 970/QĐ-VKHTLVN ngày 20 tháng 6 năm 2016

của Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam)



### Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Mục tiêu, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục tiêu ban hành quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ (sau đây gọi tắt là Quy chế) là nhằm thống nhất quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện) phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Phạm vi điều chỉnh của Quy chế gồm: Chiến lược, Kế hoạch phát triển Khoa học công nghệ; các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ và các ứng dụng công nghệ mới sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học/sự nghiệp kinh tế thuộc trách nhiệm quản lý của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN).

3. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cá nhân và đơn vị thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc trách nhiệm quản lý của Viện.

### Điều 2. Nguyên tắc quản lý.

Hoạt động khoa học công nghệ của Viện tuân thủ theo Luật Khoa học và Công nghệ, các quy định hiện hành;

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam là đầu mối tổng hợp và điều phối các nguồn lực khoa học công nghệ của toàn Viện để giải quyết các nhiệm vụ KHCN trọng tâm, trọng điểm của Bộ, của ngành và các địa phương;

Công tác chỉ đạo điều hành hoạt động KHCN tuân thủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân cấp quản lý của Viện.

### Điều 3. Các hoạt động KHCN

1. **Chiến lược phát triển Khoa học công nghệ:** là kế hoạch nghiên cứu dài hạn với tầm nhìn trước tương lai giúp phát triển KHCN của Viện đạt được những kết quả phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

2. **Kế hoạch Khoa học công nghệ 5 năm và hàng năm:** là kế hoạch nghiên cứu trong một giai đoạn nhất định của chiến lược KHCN.

#### 3. Các loại nhiệm vụ khoa học công nghệ.

##### 3.1. Nhiệm vụ cấp Quốc gia:

- Đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp Quốc gia;

- Đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp Quốc gia;

- Đề tài hợp tác quốc tế theo Nghị định thư;

- Đề tài nghiên cứu cơ bản do Hội đồng khoa học xác định;
- Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản qua Quỹ NAFOSTED
- Các Đề án/dự án KHCN cấp quốc gia khác.

### 3.2. *Nhiệm vụ cấp Bộ:*

- Đề tài cấp Bộ (giao trực tiếp hoặc đấu thầu tuyển chọn và thí điểm đặt hàng sản phẩm KHCN);

- Đề tài thuộc chương trình cấp Bộ;
- Đề tài thuộc chương trình mục tiêu của Nhà nước giao cho Bộ thực hiện;
- Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ;
- Nhiệm vụ môi trường;
- Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;
- Các nhiệm vụ điều tra được Bộ giao;
- Các dự án thử nghiệm được Bộ giao cho Viện làm chủ đầu tư.

3.3. *Nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành phố:* Sử dụng nguồn kinh phí của địa phương.

### 3.4. *Nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở:*

- Nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên theo chức năng;
- Đề tài cấp cơ sở được Bộ phân cấp quản lý cho Viện;
- Đề tài nghiên cứu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của Viện.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 4. Chiến lược phát triển KHCN.**

1. Viện chủ trì xây dựng, quản lý việc thực hiện chiến lược phát triển KHCN chung toàn Viện.

2. Các đơn vị trực thuộc chủ trì xây dựng và trình Viện phê duyệt chiến lược phát triển KHCN của đơn vị trên cơ sở chiến lược của Viện và quản lý việc thực hiện chiến lược KHCN của đơn vị sau khi được Viện phê duyệt.

3. Viện tổ chức thẩm định, phê duyệt chiến lược phát triển KHCN của từng đơn vị, đánh giá mức độ hoàn thành định kỳ 5 năm một lần với chiến lược phát triển KHCN của đơn vị và chiến lược KHCN chung toàn Viện.

#### **Điều 5. Kế hoạch Khoa học công nghệ.**

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch KHCN 5 năm, hàng năm trình Viện.

2. Viện rà soát, tổng hợp kế hoạch KHCN 5 năm, hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền.



3. Viện tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch KHCN của từng đơn vị và của toàn Viện vào tháng 12 hàng năm. Kết quả đánh giá là cơ sở để xếp loại năng lực KHCN của đơn vị, xét giao kế hoạch KHCN năm sau, xét thi đua khen thưởng.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

### **Điều 6. Phân cấp quản lý.**

#### **1. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:**

*Các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do Viện chủ trì thực hiện:*

- Viện chủ trì giao nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, thành lập tổ chuyên gia kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN; Chủ trì tổ chức Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN trước khi trình nghiệm thu chính thức.

- Các đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện đơn đốc, kiểm tra công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

*Các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia do các đơn vị trực thuộc là đơn vị chủ trì:*

- Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện, tự chịu trách nhiệm và báo cáo Viện khi có yêu cầu, phải nộp cho Viện đầy đủ bản sao hồ sơ nhiệm vụ KHCN trong quá trình thực hiện theo đúng tiến độ và hồ sơ lưu trữ sau khi kết thúc nhiệm vụ;

- Đơn vị chủ trì thành lập tổ chuyên gia kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN; Chủ trì tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN báo cáo Viện tham gia giám sát trước khi trình nghiệm thu chính thức.

#### **2. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:**

- Bộ NN & PTNT chủ trì phối hợp với Viện tổ chức Hội đồng thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán tổng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả hàng năm và nghiệm thu chính thức.

- Viện chủ trì tổ chức kiểm tra tiến độ khi cần thiết, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN trước khi trình Bộ nghiệm thu chính thức.

- Các đơn vị tổ chức thẩm định, phê duyệt đề cương - dự toán hàng năm, thành lập tổ chuyên gia kiểm tra sản phẩm của nhiệm vụ KHCN, quản lý kinh phí, đơn đốc, kiểm tra công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

#### **3. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở:**

- Viện phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở, tổ chức Hội đồng thẩm định và phê duyệt đề cương - dự toán tổng, nghiệm thu chính thức.

- Các đơn vị tổ chức kiểm tra định kỳ, quản lý kinh phí, đơn đốc, kiểm tra công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

#### **4. Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh/Thành phố:**

- Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp do Viện chủ trì, Viện quản lý như nhiệm vụ cấp Bộ.

